

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 05 – 02 - 2021

V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tấn Tài
Ông Đoàn Quốc Thống

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh ngày 01/01/1985

Địa chỉ: Ấp 11, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Trần Tổ A, sinh ngày 10/10/1972 và ông Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 19/02/1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 11, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:*

Bà Trần Tổ A có mở một số dây hội, ông có tham gia chơi hội do bà Tổ A làm chủ. Hàng tháng kêu hội tại nhà bà Tổ A, sau khi kêu hội thì ông đóng tiền hội cho bà Tổ A đầy đủ nhưng đến khi ông hót hội thì bà Tổ A không giao đủ tiền hội cho ông, cụ thể các dây hội như sau: Dây hội mở ngày 07/6/2018 âm lịch, loại hội 3.000.000đồng/tháng, tổng số 27 chung, ông tham gia 01 chung danh sách hội ghi

là Tài Cua, đến tháng 5/2020 âm lịch ông kêu hội giá 3.000.000 đồng hót, chết 24 chung (năm 2020 nhuận hai tháng 4) x 3.000.000 đồng = 72.000.000 đồng, trừ còn 1.500.000 đồng, bà Tổ A phải giao tiền hội cho ông là 70.500.000 đồng, ông đồng ý đóng đắp đuôi 02 chung hội chết còn lại là 6.000.000 đồng như vậy dây hội này bà Tổ A còn phải giao cho ông 64.500.000 đồng, bà Tổ A giao cho ông được 32.000.000 đồng còn lại 32.500.000 đồng bà Tổ A không giao cho ông. Dây hội ngày 12/02/2020 âm lịch là hội loại 3.000.000 đồng/tháng, tổng số 24 chung, ông tham gia 01 chung, mỗi tháng khui hội ông đều đóng hội cho bà Tổ A, ông đóng hội từ ngày 12/02/2020 âm lịch đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch là 04 lần (năm 2020 nhuận hai tháng 4), sau đó bà Tổ A tuyên bố đình hội, số tiền bà Tổ A phải trả lại cho ông là 4 tháng x 3.000.000 đồng = 12.000.000 đồng, ông đồng ý trừ còn cho bà Tổ A 1.500.000 đồng, như vậy dây hội này bà Tổ A phải trả cho ông 10.500.000 đồng. Tổng cộng hai dây hội bà Tổ A phải trả cho ông 43.000.000 đồng. Vì bà Trần Tổ A và ông Nguyễn Văn Ph là vợ chồng, ông Ph biết việc bà Tổ A mở hội và ông tham gia hội nên ông yêu cầu bà Tổ A và ông Ph có trách nhiệm trả cho ông số tiền hội 43.000.000 đồng

Tại biên bản làm việc ngày 25 tháng 12 năm 2020 bị đơn bà Trần Tổ A trình bày: Bà có mở một số dây hội do bà làm chủ, đối với dây hội mở ngày 07 tháng 6 năm 2018 âm lịch và dây hội mở ngày 12 tháng 02 năm 2020 âm lịch do bà làm chủ có ông Lê Văn T tham gia danh sách hội ghi là Tài Cua. Mỗi dây hội ông T tham gia 01 chung. Chung hội ngày 07/6/2018 âm lịch ông T hót vào tháng 5 năm 2020 âm lịch số tiền bà phải giao sau khi trừ tiền còn là 70.500.000 đồng, ông T đồng ý đóng đắp đuôi 2 tháng số tiền 6.000.000 đồng còn lại bà phải giao là 64.500.000 đồng, bà đã giao cho ông T trước 32.000.000 đồng, còn lại 32.500.000 đồng. Dây hội ngày 12/02/2020 âm lịch là hội loại 3.000.000 đồng/tháng bà mở được 04 tháng thì đình hội. Chung hội này ông T đã đóng đủ cho bà 04 tháng sau khi đình hội bà yêu cầu ông T cho bà trả lại phần vốn đã đóng nhưng ông T không chịu nên bà đồng ý trả cho ông T bằng tiền hội chết mỗi chung 3.000.000 đồng 04 tháng bằng 12.000.000 đồng nhưng phải trừ tiền còn 1.500.000 đồng nên dây hội này bà nợ ông T 10.500.000 đồng. Tổng hai dây hội bà còn nợ ông T 43.000.000 đồng nhưng sau khi bà đình hội ông T có đến đòi tiền hội thì bà và ông T có thỏa thuận để bà trả từ từ cho ông T mỗi tháng 2.000.000 đồng và ông T đồng ý, bà đã trả cho ông T được 3 lần số tiền 6.000.000 đồng, khi đưa tiền cho ông T không có làm biên nhận, bà yêu cầu được đối trừ số tiền đã trả cho ông T. Bà xác định ông Nguyễn Thanh Phong mà ông T ghi trong đơn khởi kiện tên chính xác là Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1972 là chồng của bà, vợ chồng đang sống tại ấp 11, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, chồng bà biết việc bà mở hội và có khi ông Ph đi chung hội cho tay em dùm cho bà. Vì bà bị bệnh phải thay đổi sống nên không ngồi xe đi xa được nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Trần Tổ A có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Ph vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Tổ A và ông Ph theo quy định.

3

yêu cầu bà Trần Tố A và ông Nguyễn Văn Ph cùng cho ông số tiền hui 43.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà Trần Tố A và ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 2.150.000 đồng $43.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.150.000 \text{ đồng}$). Ông Lê Văn T không phải chịu án phí, ông T đã nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu bà Trần Tố A và ông Nguyễn Văn Ph trả tiền hui.

Buộc bà Trần Tố A và ông Nguyễn Văn Ph trả cho ông Lê Văn T số tiền hui 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Tố A và ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 2.150.000 (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí, ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.075.000 (Một không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006039 ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Tố A và ông Nguyễn Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Nguyễn Mộng Chi